

Quảng Trị, ngày 15 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2026/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa;
- Bà Dương Thị Huyền M, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn A, xã C, tỉnh Quảng Trị.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:**

Ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2013. Ngày 20/11/2014 vợ chồng đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 40/2014/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Sau đó đăng ký kết hôn lại vào ngày 17/9/2025, tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn lại, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Nay cả hai đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất với nhau về việc ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M.

**[2] Về con chung:**

Ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 12/3/2013. Khi ly hôn ông T, bà M thỏa thuận giao

quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà Dương Thị Huyền M. Ông Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu Duy thành N, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.

**[3] Về tài sản chung và nợ chung:** Ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4] Về lệ phí:** Ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M chịu toàn bộ Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2025, ngày 17/9/2025 của UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực*).

**1.2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 12/3/2013 cho bà Dương Thị Huyền M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**1.3. Về tài sản chung và nợ chung:** Ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí:** Ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Huyền M phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số 0001696 ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông T, bà M đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

**THẨM PHÁN**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
- Đương sự; Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Quang**